

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 5 – 2021
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đinh Phước M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã BHT, huyện CL, tỉnh ĐT.

Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã BHT, huyện CL, tỉnh ĐT.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Đinh Phước M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng sống chung với nhau vào năm 1994 và không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng giữa vợ và chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay anh Đinh Phước M yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Cẩm Hồng, sinh năm 1995 và Đinh Thị Mỹ Linh, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T thừa nhận lời trình bày của anh M về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đinh Phước M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Cẩm Hồng, sinh năm 1995 và Đinh Thị Mỹ Linh, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

Giấy CMND Đinh Phước M, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Cẩm Hồng, Đinh Thị Mỹ Linh và Sổ hộ khẩu (photo);

Đơn xác nhận nơi cư trú (bản chính);

Đơn yêu cầu không hòa giải đối thoại tại tòa án (Bản chính)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đinh Phước M có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy anh M và chị T tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, mặc dù việc sống chung của anh M và chị T đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng anh M và chị T đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này...”. Do anh M và chị T không đăng ký kết hôn nên khi anh M xin ly hôn Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người; Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Đinh Phước M và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung tên Đinh Thị Cẩm Hồng, sinh năm 1995 và Đinh Thị Mỹ Linh, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh M, chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M, chị T trình bày vợ chồng không có nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Anh Đinh Phước M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Đinh Phước M và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung tên Đinh Thị Cẩm Hồng, sinh năm 1995 và Đinh Thị Mỹ Linh, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M, chị T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đinh Phước M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012390 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy anh M đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Thị Ngọc Minh